

MOTIF NGƯỜI HÓA ĐÁ/ ĐÁ HÓA NGƯỜI TRONG TRUYỀN THUYẾT DÂN GIAN VIỆT NAM

Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế

Email: qhuong08@gmail.com

TÓM TẮT

Người hóa đá/ đá hóa người là motif khá phổ biến trong truyền thuyết dân gian Việt Nam. Theo chúng tôi, motif này gồm có ba dạng thức: người hóa đá, đá hóa người và luân hồi (người hóa đá và đá đó lại hóa thành người). Motif người hóa đá/ đá hóa người là phương thức nghệ thuật đặc dụng để tác giả dân gian vẽ nên những câu chuyện kỳ vĩ cho xuất thân và hành trạng của nhân vật trong truyền thuyết dân gian.

Từ khóa: Motif; người; đá; truyền thuyết; Việt Nam.

Biên soạn tư liệu về truyện dân gian theo type và motif là phương pháp nghiên cứu folklore có nguồn gốc từ trường phái Phần Lan (Finnish Method, phương pháp địa lí – lịch sử) được khởi xướng bởi các nhà nghiên cứu: Julius Leopold Kretzschmar (1835 – 1888), Kaarle Krohn (1863 – 1933), và người kế tục là Antti Aarne (1867 – 1925) và Stith Thompson (1885 – 1976). Trong bài viết “Những nghiên cứu văn học dân gian từ góc độ type và motif – Những khả thủ và bất cập” (2008), Trần Thị An khái quát: “Họ đã sưu tầm các dị bản truyện cổ tích, lập nên bảng tra rồi tiến hành so sánh để tìm ra bản cổ nhất, trên cơ sở đó nhằm xác định được nơi phát tích của một truyện cổ và vạch ra con đường địa lý của sự lưu truyền truyện cổ ấy” [1, tr.88].

Bảng tra type và motif (*Type of the Folktale – A Classification and Bibliography và Motif- index of Folk- Literature, A Classification of Narrative Elements in Folk- Tale, Ballads, Myths, Fables, Medieval, Romances, Exempla, Local Legends*) của Antti Aarne và Stith Thompson là công trình đã đẩy lên phong trào sưu tầm truyện kể dân gian và xây dựng hệ thống bảng tra type và motif truyện kể dân gian của các địa phương (quốc gia, vùng, tỉnh). Ở Việt Nam, đã có công trình *Từ điển type truyện dân gian Việt Nam* (Nguyễn Thị Huế chủ biên). Trong công trình này, phần type truyền thuyết do Trần Thị An đảm nhiệm. Tuy nhiên, trong chuyên khảo *Đặc trưng thể loại và việc văn bản hóa truyền thuyết dân gian Việt Nam* được xuất bản sau cuốn *Từ điển*, Trần Thị An đã tách riêng phần type truyện truyền thuyết và có sự chỉnh sửa. Ở đây, tác giả đã thống kê được một số type truyền thuyết có liên quan đến thực thể đá

trong truyền kể dân gian Việt Nam (type truyền thuyết về thần thánh và phép thuật, type truyền thuyết địa danh,...), tuy nhiên vẫn chỉ mới là các type, chưa phân tích kỹ thành các motif.

Trong tiểu luận này, với motif người hóa đá/ đá hóa người, chúng tôi đi theo mạch của các dạng thức: người hóa đá, đá hóa người, người hóa đá và tái sinh trở lại. Dạng thức cuối cùng này đã khiến người đọc liên tưởng đến một vòng tròn luân hồi của con người.

1. MOTIF NGƯỜI HÓA ĐÁ

Ở đây, đá mang ý nghĩa biểu trưng quan trọng. Bởi lẽ đá có tính chất bền vững với thời gian, và trong khi đời người bị hạn định thì đời đá vô hạn. Do đó, sự gắn kết đời người vào đá chính là phương thức để bất tử hóa con người. Phần lớn những nhân vật hóa đá trong truyền thuyết đều có hành trạng xuất chúng hoặc có công lao to lớn đối với cuộc sống no ấm, yên lành của người dân. Và khi đời người của họ khép lại, hóa thân thành đá để “không thể hư hại, linh hồn người quá cố phải tồn tại mãi mãi mà không phân hủy” [5, tr. 971]. Hay nói cách khác, sự vay mượn đặc trưng bền vững của đá trong truyền thuyết chính là một cách ghi ơn của người đời dành cho nhân vật.

Trong *Truyện cái khiên*, chàng Cả Lạn là người giỏi võ nghệ. Chàng vượt qua rất nhiều thử thách do các vị thần đưa ra: Thần Hành thiện chuyên đi cứu nhân độ thế đóng giả người suýt chết đuối, Đức Phật giả làm người ăn mày, Thần Núi bày binh bố trận với một đàn mười con hổ. Chàng Cả Lạn không nề hà hiểm sâu, không khinh người nghèo, không nhát sợ trước bầy hổ và luôn luôn đặt sự quan tâm, thương người lên trên hết. Vì vậy, các vị thần đã ưu ái, ban thưởng cho chàng những báu vật. Nhờ đó, chàng có sức mạnh vô địch, trí tuệ hơn người và khiên quý để chiến thắng Thần Gió, Thần Mưa, giúp thiên nhiên thuận hòa, cuộc sống người dân no ấm hơn. Hơn thế nữa, chàng còn giúp vua đẩy lùi giặc Hán. Tuy nhiên, chính bởi tính cách khảng khái, quý người, chàng lại rơi vào bẫy của kẻ thù. Giận dữ trước sự phản trắc của người em kết nghĩa (do kẻ thù đóng giả để lấy lòng chàng), chàng vãi trời nguyện rằng: “Nếu trời bắt ta chết, hãy để cho ta chết đứng thế này” [14, tr.131]. Và lời khấn nguyện của chàng đã trở thành hiện thực, “chàng hóa thành một hòn núi lớn sừng sững giữa trời” [14, tr.131]. Hình thức “chết đứng” này vừa là sự chứng giám của ông trời cho lòng trung kiên của Cả Lạn, vừa là một chứng tích lưu lại cho hậu thế về tinh thần quả cảm của chàng.

Truyện cái khiên thuộc dạng truyền thuyết về các địa danh, và hòn núi do Cả Lạn hóa nên chính là núi Nhân ở Tây Nam làng Bồng Lạng. [Khi tìm hiểu thực tế thông qua địa danh cụ thể mà truyền thuyết đã giới thiệu, chúng tôi được biết thôn Bồng Lạng, xã Thanh Nghi, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam hiện nay là một thôn nhỏ với diện tích đất tự nhiên 1,1 km² - NTQH]. Và mặc dù truyền thuyết không chỉ rõ đặc thù núi đá của núi Nhân nhưng phía Tây Nam của thôn có một dãy núi đá vôi trải dài 3 km, khá tương ứng cho vị trí mà truyền thuyết đề cập đến. Do vậy, chúng tôi xếp sự hóa thân của nhân vật Cả Lạn trong *Truyện cái khiên* thuộc motif người hóa đá – NTQH].

Người con gái đứng đầu trong làng của *Sự tích núi Sầm Sơn* không quản ngại mưa gió dữ dội và đứa bé trong bụng, “quyết đội mưa, rẽ gió ra biển thăm dò tình hình” [17, tr.224] và nhìn thấy “thần sóng như một dãy núi khổng lồ đang ập tới”. Nàng định quay về báo cho dân làng nhưng không kịp, nên đành “nằm sấp xuống đuổi dài người ngăn sóng che chở cho dân làng” [17, tr.224]. Và điều thần kỳ đã xảy ra, “nước dâng lên đến đâu thì thân thể nàng cũng dài ra và cao lên đến đó” [17, tr.224] và “chỗ người con gái nằm ngăn sóng thần đã biến thành dãy núi hùng vĩ” [17, tr.224 – 225]. Người con gái đó đã hóa thân thành dãy núi để bảo vệ, che chở cho xóm làng thân yêu của mình. Truyền thuyết kể rằng về sau, bãi biển dưới chân núi phát triển rất sầm uất nên người dân đặt tên cho dãy núi là núi Sầm (tức là núi Sầm Sơn ngày nay).

Còn nhân vật người vợ trong *Núi Bà Đội Om* lại có hoàn cảnh rất khác. Người phụ nữ này có chồng ra chiến trận phải tránh giặc trong hang núi xa, một lòng một dạ nuôi con, nuôi mẹ, chờ chồng. Năm ấy hạn hán, mấy tháng trời không có một cơn mưa, khe suối đều cạn khô. Mọi việc trong làng đều phải trông nhờ vào mấy giếng nước nhỏ trên núi, do đó mỗi gia đình chỉ có được một, hai cà om nước mỗi ngày. Chị nhường phần lớn nước cho mẹ và cho con. Nhưng rồi rất nhiều ngày, cả ba người đều không có một giọt nước nào. Chị trở về làng để lấy nước nhưng lúc thì phải lủi vào lùm cây tránh giặc, khi thì bị giặc đuổi theo, phải vứt cả cà om. Thiếu nước dài ngày, ăn uống cũng không đủ, chị “nhẹ tênh như chiếc lá, lúc nào cũng chực quy xuống đường” nên cuối cùng, khi cơn mưa đến, chị không còn sức để vui mừng, “niềm đau đớn cùng cực lan khắp thân người lạnh cứng như băng” [17, tr.261]. Và vậy là chị cứ đứng mãi, tựa sát người vào vách đá và tay vẫn cố giữ cả om nước cho mẹ, cho con như thế cho đến tận bây giờ.

Hai người phụ nữ trong *Sự tích núi Sầm Sơn* và *Núi Bà Đội Om* đã hóa thành núi bởi những nguyên nhân khác nhau. Người phụ nữ của *Sự tích núi Sầm Sơn* dùng chính thân thể của mình để “trị thủy” nhằm bảo vệ xóm làng và những người thân yêu. Phương thức trị thủy này mang âm hưởng chiến thắng của Sơn Tinh trước Thủy Tinh (nước càng dâng cao thì núi lại càng cao hơn), thể hiện rõ tinh thần đoàn kết của nhân dân và ước mơ chiếm lĩnh được tự nhiên. Còn trong *Núi Bà Đội Om*, người phụ nữ chịu thương chịu khó, nhận phần thiệt thòi về mình để chăm lo đủ đầy cho con và mẹ. Cả một quá trình dài đằng đẵng với nhiều thử thách đã bào mòn tinh thần và sức khỏe của chị. Vì vậy, cơn mưa mát lành, mong chờ bấy lâu cũng không đủ sức cứu rỗi cuộc sống của chị, thậm chí còn là giọt nước tràn ly, bùng tỏa những mệt mỏi, đau đớn vốn được chị nén chặt, giấu kín. Trong bất kỳ cuộc chiến nào, mất mát không chỉ ở những người trực tiếp ra trận mà còn có sự hy sinh thầm lặng của người ở hậu phương. Và người phụ nữ ở đây là một trong số đó. Cái chết đứng, hóa thành núi chính là hiện thân cho sự kiên cường của chị.

Điểm gặp gỡ của cả hai truyền thuyết là nhân vật hóa thân đều là phụ nữ và cùng hóa thân thành núi. Ở đây, hình ảnh núi gắn kết chặt chẽ với sự kiên cường và hy sinh của họ, dù trong bất kỳ mối quan hệ gia đình hay dân tộc [Trường hợp núi trong hai truyền thuyết trên đều có nét giống với *Truyện cái khiên*, nghĩa là hai ngọn núi trong đời thực đều thuộc dạng núi đá. Do đó, sự hóa thân trong *Sự tích núi Sầm Sơn* và *Núi Bà Đội Om* được chúng tôi đưa vào motif

người hóa đá - NTQH]. Ngoài ra, nếu chàng trai trong *Truyện cái khiên* còn có tên Cả Lạn thì hai người phụ nữ này không có tên riêng. Điều đó đã xóa mờ dấu vết cá nhân để nhân vật trở thành hình ảnh đại diện chung cho người phụ nữ Việt. Có thể nói cả ba truyền thuyết đều cho thấy chính con người đã hóa thân để tạc nên dáng hình của xứ sở. Thế nên, mỗi ngọn núi đang “trơ gan cùng tuế nguyệt” đều ngầm chứa sức mạnh tinh thần của người dân Việt.

2. MOTIF ĐÁ HÓA NGƯỜI

Motif đá hóa người trong truyền thuyết dân gian Việt Nam có sự gặp gỡ và đồng điệu với các truyền thuyết trên thế giới. Trong *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Jean Chevalier và Alain Gheerbrant đã hệ thống trường hợp người sinh ra từ đá như sau: “Ở Hy Lạp, sau trận đại hồng thủy, loài người lại sinh ra từ những hòn đá mà Deucalion gieo ném. Trong các truyền thuyết của người Sesmites cũng nói con người sinh ra từ đá, thậm chí một số huyền thoại trong đạo Kitô cũng nói là Chúa Kitô sinh ra từ đá” [5, tr.269]; “Ở Trung hoa, Đại Vũ sinh ra từ một tảng đá và thái tử Kỳ (K’i), con trai của ông, cũng sinh ra từ một tảng đá, nứt ra ở mặt phía bắc” [5, tr.269]. Đá trong trường hợp này mang ý nghĩa sinh sản với vai trò của người mẹ. Hay đá còn được gọi bằng một tên khác là Đá mẹ. Chính vì lớp nghĩa này, theo Phân tâm học của Jung, đá trong truyền thuyết và huyền thoại có thể được xem là một cổ mẫu.

Motif đá hóa người lại không giống với các trường hợp người hóa đá ở trên, bởi lẽ trong truyền thuyết dân gian Việt Nam, đá được tác giả dân gian sử dụng nhằm tạo nên những nét dị biệt cho nguồn gốc xuất thân của nhân vật. Điều ấy đã phủ lên nhân vật một lớp huyền thoại, góp phần đặc tả sự xuất chúng của nhân vật trong truyền thuyết.

Truyện *Sự tích Tiên Lạ Thạch tướng quân* kể về Thạch tướng quân được sinh ra từ một tảng đá, sau khi bị rắn quấn. Điều kỳ lạ hơn nữa là đá mẹ thụ thai trong ba năm, và rồi “tách ra làm ba, lộ rõ một bé trai nằm bên trong” [13, tr. 209 – 210]. Ngay khi đó, một ông lão được thần báo mộng nên đem đứa trẻ về nuôi. Đứa trẻ này chính “Hùng Thạch tướng quân giáng thế” [13, tr. 210] nên có những điểm dị thường: 7 tuổi chưa biết nói, nhưng khi nghe vua tìm người tài chống giặc Lục Đình thì đứa trẻ cất tiếng gọi sứ giả vào, và yêu cầu làm cho một con voi đá để giúp vua đánh giặc. Đứa trẻ vươn vai ba lần thì trở thành người cao lớn và cưỡi voi đá, phóng về hướng Cao Bằng để giết giặc.

Đây chính là nhân vật được sinh ra từ motif sinh nở thần kỳ, không thuộc dạng hôn phối giữa người và thần linh, mà là hôn phối giữa đá và rắn. Cần phải lưu ý điểm này bởi lẽ khi gặp sứ giả, nhân vật lại yêu cầu có một con voi đá để ra trận. Nghĩa là, chúng ta không thể tìm thấy một sự liên hệ nào giữa tảng đá sinh ra nhân vật với tính cách, hình dáng của nhân vật, đặc biệt ở thời điểm nhân vật mới lên 7. Trong khi đó, voi đá có thể được xem là một con vật thân thiết, kẻ vai sát cánh với nhân vật khi lâm trận. Đồng thời, ở một khía cạnh khác, con voi vừa mang sức mạnh hộ thân vừa tiếp thêm năng lượng cho nhân vật. Cho nên, theo chúng tôi, mặc dù tính chất đá không hiển lộ trực diện ở nhân vật nhưng dường như đá đã trở thành huyết tộc giữa

nhân vật tướng quân và con voi. Và có thể nói liên kết kỳ lạ, thú vị này trong truyền thuyết *Sự tích Tiên Lạp Thạch tướng quân* đã có khả năng tạo ra một lớp nghĩa mới cho đá ở dạng đá mẹ.

Nhân vật Thiên Bồng trong truyện *Sự tích Thiên Bồng nhà Lý* cũng sinh ra từ một tảng đá. Ông bà Lương Ngọc sống rất hạnh phúc. Nhưng sau khi bà Ngọc bị Hà bá bắt, ông Lương thương nhớ vợ, “ngày ngày ra ngồi lên hòn đá mé sông, nơi vợ mất tích, ngóng chờ” [15, tr. 70]. Kỳ tích là “hòn đá kia cứ lớn dần” [15, tr. 70], một năm sau bị sấm nổ trúng, vỡ toác ra, và “người con trai từ trong chỗ đá vỡ đi ra” [15, tr. 70]. Khi lớn lên, Thiên Bồng xin tòng chinh đoàn quân của Đoàn Thượng để dẹp loạn giặc cỏ và giặc Hồ Tôn Tinh (Chiêm Thành). Chàng lập nhiều chiến công, được vua phong làm Huyện doãn huyện Diên Hà và thăng chức Sơn Nam đạo Chúa tể quan.

Khác với nhân vật Thạch tướng quân, Thiên Bồng cũng được đá sinh ra nhưng lại bắt nguồn từ hôn phối của mộng tương tư. Nghĩa là sự kết hợp hoàn toàn nằm trong tâm và trí của ông Lương [giữa hình ảnh của bà Ngọc trong trí nhớ của người chồng với nỗi nhớ thương, trông ngóng của ông Lương dành cho vợ mình – NTQH] đã tạo ra một nhân duyên sinh nở ở đá. Ngoài ra, điểm khác biệt nữa so với tảng đá trong truyền thuyết *Sự tích Tiên Lạp Thạch tướng quân*, đá ở truyện kể này chỉ mang thai trong một năm và không tự nhiên nứt ra, mà cần có một trường lực từ bên ngoài tác động để đưa trẻ chui ra. Hơn thế nữa, đá có sự phát triển về hình dạng “lớn dần” [15, tr. 70]. Tất cả các chi tiết trên khiến người đọc dễ dàng liên tưởng đến quá trình mang thai và sinh nở của người mẹ. Và đương nhiên, việc hình dung vai trò của đá trong truyền thuyết ở vị trí người mẹ là điều dễ hiểu. Đối với trường hợp *Sự tích Thiên Bồng nhà Lý*, chúng tôi cũng không tìm thấy một đường dây gắn kết nào giữa đá và nhân vật. Tuy nhiên, dựa vào sự miêu tả hành trình chuyển biến của đá mà chúng tôi đề cập đến ở trên đã cho thấy đá in đậm bóng dáng của người mẹ và chỉ mang ý nghĩa khởi sinh cho nhân vật.

Trong *Sự tích Thiên Đá và Đường Lô đánh giặc Ân*, nhân vật Thiên Đá không phải do đá sinh ra như Thiên Bồng của *Sự tích Thiên Bồng nhà Lý*. Truyền thuyết kể rằng Lý Đường tiên sinh vốn là “người tài ba lỗi lạc, văn hay võ giỏi, già sang và giàu lòng vị tha cứu giúp người khắp khó” [8, tr.333], tuy nhiên lại hiếm muộn con trai. Trong một lần ngồi uống trà, uống rượu thưởng nguyệt trên phiến đá ở vườn hoa, phiến nổi chưa có con trai nổi đôi tông đường để trả ơn tổ tiên, tiên sinh mới “đưa tay vỗ vỗ vào bàn đá” [8, tr.333] và than rằng: “Đá hề đá hề/ Đại thạch đại tinh/ Đá hề đá hề/ Ta nay không con/ Ước người làm quỳnh/ Lưu muôn ngàn thuở/ Người nó đồng danh” [8, tr.333]. Đêm hôm đó tự nhiên trời nổi mưa gió, sấm chớp liên hồi và có sét đánh vào vườn nhà tiên sinh. Sáng sau, tiên sinh thăm vườn, thấy “bàn đá đã vỡ làm hai mảnh” [8, tr.333] và trong đó có mấy dòng chữ: “Đá công thiên đình giáng trần/ Đầu thai Trần thị tôi thân Nguyễn Xuân/ Tài năng vượt chúng siêu quần/ Văn chuyên thao lược võ cần binh nhưng” [8, tr.333]. Mùa xuân năm Giáp Ngọ, Trần phu nhân sinh ra một cậu con trai. Lý Đường tiên sinh nhớ đến bài thơ trên đá nên đặt tên con là Đá công (ông Đá). Vậy nên, nhân vật Thiên Đá mặc dù không do đá trực tiếp sinh ra nhưng là một sự giáng sinh từ đá, thông qua hình thức “đá vỡ làm hai” [8, tr.333]. Và chi tiết này đã chứng thực cho việc có tồn tại một vị

thần trú ngụ trong đá và vị thần ấy đã hồi đáp nỗi niềm mà Lý Đường tiên sinh gửi gắm trong lời than phiền (gián tiếp) và cái vỗ tay vào đá (trực tiếp).

Theo truyền thuyết, nhân vật Thạch tướng quân, Thiên Bồng và Thiên Đá đều là thần linh giáng thế, nhằm giúp vua dẹp yên giặc trong ngoài và đem lại cuộc sống yên bình cho nhân dân. Do đó, khi nhiệm vụ đã hoàn thành, họ bay về trời hoặc tự hóa. Và mối quan hệ giữa đá với nhân vật ở truyền thuyết là mẫu tử, dù đá chỉ “bà mẹ nuôi/ mang tính tạm thời” của thần linh trước khi bước vào cõi trần gian. Vậy nên, theo thiển ý của chúng tôi, nguồn gốc từ đá là một hình thức các tác giả dân gian lựa chọn để tô đậm thêm sự xuất chúng của nhân vật.

Như vậy, qua motif người hóa đá/ đá hóa người, nghệ thuật hóa thân trong truyền thuyết dân gian có những nét đặc biệt riêng. Thứ nhất, mối liên hệ giữa vật hóa thân và vật được hóa thân không hoàn toàn rõ nét, dễ nhận biết bằng hình dáng và tính chất. Thứ hai, việc hóa thân không tác động mạnh mẽ đến cốt truyện hoặc phần kết của truyện kể. Và thứ ba, với những motif liên quan đến đá, trong tương quan giữa vật hóa thân và vật được hóa thân, đá luôn có lực tác động ngược trở lại đối với nhân vật, tạo ra một liên kết ngầm về bản chất giữa đá và nhân vật. Có thể nói nghệ thuật hóa thân xuất hiện trong hầu hết các thể loại tự sự của văn học dân gian, tuy nhiên độ đậm nhạt và khả năng ảnh hưởng đến kết cấu truyện kể ở mỗi thể loại lại có những khác biệt riêng.

3. MOTIF NGƯỜI HÓA ĐÁ VÀ TÁI SINH TRỞ LẠI

Dạng thức xuất hiện đồng thời cả motif người hóa đá và đá hóa người này chỉ xuất hiện duy nhất trong truyền thuyết *Lương Thế Vinh*, phác họa trọn một vòng tròn luân hồi của đời người. Nếu như *Sự tích Tiên Lạp Thạch tướng quân* và *Sự tích Thiên Bồng nhà Lý* ghi dấu ấn của đá như là một nơi tạm trú của các vị thần linh để thoát thai vào cõi hồng trần, thì đá trong truyền thuyết *Lương Thế Vinh* cũng là nơi trú ngụ tạm thời, nhưng lại là của một con người.

Trong truyền thuyết, Lương Thế Vinh sinh ra ở huyện Nam Xang. Cha ông vốn tính hiền lành nhưng khi biết sau này con trai sẽ làm quan to nên sinh “kiêu ngạo, thường hay tranh cạnh người ta” [16, tr. 110]. Vì lẽ đó, ông bảo với mẹ rằng “mẹ có đức hiền hậu mà cha thì kém đức. Con không ở đây nữa, xin từ đi chỗ khác đây” [16, tr. 110]. Ngoài ra, ông còn dặn thêm “cứ đến ngày ấy tháng ấy đến làng Cao Hương, huyện Thiên Bản thì biết, và dặn giữ lại các sách của mình học” [16, tr. 110]. Có một người Tàu xem thiên văn, thấy văn tinh giáng xuống nước Nam nên sang để trấn áp. Ông khách tìm đến Thế Vinh và đang nghĩ kế để trừ ông thì ông mất. Xem thiên văn, ông khách biết thần ấy chạy sang làng Cao Hương nên đuổi theo. Trước tình thế bị truy đuổi, thần Thế Vinh bèn “nhập vào trong hòn đá to” [16, tr. 111]. Ông khách xin mua hòn đá song bị từ chối vì việc mua bán này quá lạ thường. Đến khi thuận mua vừa bán, ông khách chưa kịp vui mừng, thần đã lại “đầu thai ngay vào người đàn bà” [16, tr. 111] đi đồng về, mới giẫm chân vào hòn đá. Ông khách “trông hòn đá, biết thần đã xuất mất rồi... không thể nào trấn áp được” [16, tr. 111] nên trở về Tàu. Lúc Thế Vinh sinh ra, ông chỉ khóc, cả ngày lẫn đêm,

cho đến khi mẹ trước của ông tìm đến và bế, ông mới nín. Sau này, Thế Vinh làm chức Hàn lâm thị thư chương viện, soạn bộ Đại thành toán pháp. Khi mất, ông được phong làm Thượng đẳng phúc thần.

Theo quan niệm của người Việt xưa, con người tuy chết đi nhưng phần tinh anh/ linh hồn của họ vẫn tồn tại. Nghĩa là cái chết chỉ là thể xác, còn linh hồn thuộc một phạm trù khác, trong một thế giới riêng mà con người khó có thể nắm bắt. Chính bởi quan niệm này, người Việt ngày nay vẫn có lễ cúng cô hồn cho những vong linh sống vất vưởng không nơi để trở về, không đích để đến. Hay ông bà ta vẫn cho rằng những món ăn, sau khi cúng dường, hết tuần nhang, sẽ không còn đủ hương, đủ vị như thời điểm vừa nấu xong và trước khi cúng. Họ lý giải cho sự voi hương và vị này là bởi những vị được thờ tự đã hưởng/ dùng món ăn trước. Vậy nên, trong cuộc sống hàng ngày của người Việt, phần tinh anh/ linh hồn giữ một vai trò quan trọng.

Ngoài ra, theo chúng tôi, trong chi tiết tái sinh của nhân vật Lương Thế Vinh, thuyết luân hồi của Phật giáo cũng để lại dấu ấn khá rõ nét. Phật giáo quan niệm con người khi sinh ra đồng thời đã rơi vào vòng sinh tử và ngay cả khi chết đi, nghiệp lành/ dữ còn dẫn con người vào lục đạo luân hồi [sáu đường sinh tử luân hồi: ba đường ác (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh), ba đường lành (người, a- tu – la, trời) – NTQH]. Việc đi con đường nào là do chính con người quyết định bằng quá trình tu thân và làm điều tốt. Nói một cách đơn giản và gần gũi, đó chính là quan niệm ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ, gieo gió gặt bão,... khá quen thuộc trong đời sống và văn học dân gian Việt Nam. Tuy thế, với Lương Thế Vinh, việc luân hồi tái sinh là do ông quyết định và hoàn toàn chủ động, từ việc dự báo trước sự ra đi, địa điểm đến của “kiếp sau”, đến hành động tạm trú vào hòn đá và đầu thai vào người đàn bà đi đồng về. Tất cả là minh chứng cho hành trạng phi thường của nhân vật. Phải chăng trong cả nghệ thuật xây dựng nhân vật Lương Thế Vinh, tác giả dân gian cũng vay mượn sự ngộ đạo của đức Phật để khắc họa Lương Thế Vinh có khả năng tường tận các kiếp nạn của đời mình nhằm dự báo và chọn kiếp luân hồi?

Và việc lựa chọn tảng đá để làm vật chuyển giao giữa hai kiếp, đồng thời chạy trốn sự truy đuổi của ông khách Tàu, chúng tôi thiết nghĩ, là một ẩn dụ của các tác giả dân gian: Thứ nhất, đá có tính chất bền vững nên nguy cơ bị xâm phạm từ phía ông khách Tàu sẽ được hạn chế và đương nhiên, tiềm năng thoát thân của Lương Thế Vinh sẽ cao hơn; Thứ hai, đá thông thường được xem là vô tri vô giác, vì vậy, ngoài ông khách Tàu nắm được thiên cơ, hầu hết mọi người sẽ không ngờ hoặc và “hồn nhiên” trong những va chạm với đá [đặc biệt trước câu chuyện mua bán với cái giá ngất ngưỡng quá lạ thường mà ông khách gây ra - NTQH]. Điều này tạo điều kiện “bước đệm” cho hành động đầu thai của Lương Thế Vinh được diễn ra thuận lợi hơn. Lưu ý ở cách lý giải này là khuynh hướng xem đá là sự vật vô tri chỉ càng làm tăng thêm giá trị của đá, vì cuối cùng đá đó vẫn là đá linh, có khả năng tạo ra điều thần kỳ - chi tiết đầu thai của Lương Thế Vinh [người đàn bà giẫm chân vào đá, sau đó về mang thai và sinh ra Lương Thế Vinh – NTQH]; Thứ ba, có lẽ có nét đồng điệu với văn hóa phương Tây trong sự lựa chọn này của cha ông ta. Bởi “theo truyền thống *Kinh Thánh*, vì đá có tính cách không biến đổi nên được coi như là tượng trưng cho tính khôn ngoan, anh minh” [5, tr. 273]. Hay nói cách khác, vỏ bọc trú ngụ mà tác giả dân gian dành cho Lương Thế Vinh cũng đồng thời ẩn dụ, ngầm

ý về bản chất con người ông. Tức là giữa đá và nhân vật trong truyền thuyết có sự tương đồng về ý niệm.

Trong truyện kể, mặc dù đá chỉ xuất hiện ở chi tiết nhỏ nhưng nó đã góp phần thể hiện sự sinh nở thần kỳ của Lương Thế Vinh ở lần đầu thai, khẳng định hành trạng phi thường của nhân vật. Hơn thế nữa, đá được lựa chọn làm nơi trú ngụ cho phần tinh anh của nhân vật đã minh chứng cho niềm tin vào đá của nhân dân và quan niệm về “vạn vật hữu linh”.

Truyền thuyết là thể loại dung hợp cả yếu tố lịch sử và yếu tố hư cấu, cho nên motif người hóa đá/ đá hóa người chính là sự hư cấu của nhân dân dành cho người anh hùng của họ. Không chỉ vẽ thêm những nét kỳ vĩ cho hình dáng nhân vật, các tác giả dân gian còn phủ màu kỳ ảo cho xuất thân, hành trạng nhằm huyền thoại hóa nhân vật lịch sử, địa danh lịch sử. Đá hóa thân trong truyền thuyết dân gian Việt Nam đã minh chứng cho sự ngưỡng vọng và tôn thờ của nhân dân dành cho các nhân vật lịch sử, hoặc là sự tự hào của người dân địa phương đối với các địa danh lịch sử.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trần Thị An (2008). “Nghiên cứu văn học dân gian từ góc độ type và motif – Những khả thủ và bất cập”, Tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 7, tr. 88 – 104.
- [2]. Trần Thị An (2014). *Đặc trưng thể loại và việc văn bản hóa truyền thuyết dân gian Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3]. Lévy Bruhl (2008). *Kinh nghiệm thần bí và biểu tượng ở người nguyên thủy*, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [4]. Mai Ngọc Chừ (1999). *Văn hóa Đông Nam Á*, NXB ĐHQG, Hà Nội.
- [5]. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (2002). *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [6]. Jean Duvignaud (2011). *Những tiếng nói đã mất*, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [7]. Carl Gustav Jung (2007). *Thăm dò tiềm thức*, NXB Tri thức, Hà Nội.
- [8]. Kiều Thu Hoạch (chủ biên) (2004). *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, tập 4 (Truyền thuyết), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [9]. Marcel Mauss (2011). *Luận về biểu tượng*, NXB Tri thức, Hà Nội.
- [10]. Phan Ngọc (2006). *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [11]. Đỗ Lai Thúy (2007). *Phân tâm học và tính cách dân tộc*, NXB Tri thức, Hà Nội.
- [12]. Đỗ Bình Trị (1999). *Những đặc điểm thi pháp của các thể loại văn học dân gian*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

- [13]. Viện Nghiên cứu văn hóa (2009). *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*, Truyền thuyết dân gian người Việt, quyển 1, NXB KHXH, Hà Nội.
- [14]. Viện Nghiên cứu văn hóa (2009). *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*, Truyền thuyết dân gian người Việt, quyển 2, NXB KHXH, Hà Nội.
- [15]. Viện Nghiên cứu văn hóa (2009). *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*, Truyền thuyết dân gian người Việt, quyển 3, NXB KHXH, Hà Nội.
- [16]. Viện Nghiên cứu văn hóa (2009). *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*, Truyền thuyết dân gian người Việt, quyển 4, NXB KHXH, Hà Nội.
- [17]. Viện Nghiên cứu văn hóa (2009). *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*, Truyền thuyết dân gian người Việt, quyển 5, NXB KHXH, Hà Nội.

MOTIF OF MAN TO STONE/ STONE TO MAN IN THE VIETNAMESE LEGEND

Nguyen Thi Quynh Huong

Department of Literature and Linguistics, Hue University College of Sciences

Email: qhuong08@gmail.com

ABSTRACT

Man to stone/ Stone to man is a fairly common motif in the Vietnamese folk legends. That motif includes three types: people petrified, stone turned into people and reincarnation (people petrified and this stone turned into people). Motif of people petrified/ stone turned into people is the useful method for folk authors to draw the wonderful stories about the origin and life of characters in the folk legend.

Keywords: *Legend, Motif, People, stone, Vietnam.*